Số: 10972/STC-QLNS
Thời gian ký: 2026-09-22T17:22:27+07:00

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) GIỮA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Tờ trình số /2026/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Các khoản thu (kể cả tiền chậm nộp theo quy định Luật quản lý thuế)	Tỷ lệ phần trăm (%)		
		Cấp Trung ương	Cấp Thành phố	Cấp Xã
a	*b*	*1*	*2*	*3*
1	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) thuộc phần ngân sách địa phương được hưởng theo Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 được quy đổi tỷ lệ 100%		65,5	34,5
	Trong đó, tỷ lệ phân chia cho từng phường, xã:			
1.1	Phường Ninh Kiều			3
1.2	Phường Tân An			2,5
1.3	04 phường: Cái Răng, Phú Lợi, Cái Khế, Bình Thủy			2
1.4	02 phường: Hưng Phú, An Bình			1
1.5	95 phường, xã còn lại			0,2
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí và thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong hoạt động dầu, khí), trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu			
2.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	20	80	
2.2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
2.2.1	Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	*20*	*80*	
2.2.2	Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu			
	- Các phường: Ninh Kiều, Tân An, Cái Răng	*20*	*10*	*70*
	- Các phường: Phú Lợi, Cái Khế, Bình Thủy, Hưng Phú, An Bình	*20*	*5*	*75*
	- Các phường, xã còn lại	*20*		*80*
3	Thuế thu nhập tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước)			
3.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	50	50	
3.2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
3.2.1	Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	*50*	*50*	
3.2.2	Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu	*50*		*50*
4	Thuế thu nhập cá nhân			
4.1	Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	20	80	
4.2	Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu			
	- Các phường: Ninh Kiều, Tân An, Cái Răng	*20*	*10*	*70*
	- Các phường: Phú Lợi, Cái Khế, Bình Thủy, Hưng Phú, An Bình	*20*	*5*	*75*
	- Các phường, xã còn lại	*20*		*80*

STT	Các khoản thu (kể cả tiền chậm nộp theo quy định Luật quản lý thuế)	Tỷ lệ phần trăm (%)		
		Cấp Trung ương	Cấp Thành phố	Cấp Xã
5	Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			
5.1	Thu từ tổ chức	15	85	
5.2	Thu từ hộ gia đình, cá nhân (bao gồm tiền sử dụng đất từ các dự án do Quỹ đầu tư phát triển thành phố trực tiếp đầu tư và Quỹ Phát triển đất cho ứng vốn thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng)	15		85

*** Ghi chú:**

1. Cột "Cấp Trung ương" được thể hiện để phản ánh đầy đủ cơ cấu phân chia các khoản thu và làm cơ sở xác định phần ngân sách địa phương được hưởng; tỷ lệ phân chia giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã là nội dung được quy định tại Nghị quyết này.
2. Đối với thuế giá trị gia tăng, số ngân sách địa phương được hưởng do cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định; tỷ lệ tại cột "Cấp thành phố" và "Cấp xã" được tính trên số ngân sách địa phương được hưởng.
3. Đối với các khoản thu còn lại, tỷ lệ tại các cột "Cấp Trung ương", "Cấp thành phố" và "Cấp xã" được tính trên tổng số thu thực tế phát sinh và tổng cộng bằng 100%.